



PHỤ LỤC 1 - HIỆN TRẠNG THIẾT BỊ VÀ ĐƯỜNG TRUYỀN
(*Trên theo Báo cáo số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng*)

STT	Thiết bị/hạ tầng	Số lượng	Năm đưa vào dùng	Tình trạng	Người sử dụng	Nhu cầu/đề xuất
1	Máy tính	06	01: 2024 01: 2016 01: 2023 02: 2023 01: 2017	05 đang sử dụng; 01 hỏng	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng	07
2	Máy in	01	2017: 01 cái ,	Đang sử dụng	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng	01
3	Máy quét	0	0	0		03
4	Chữ ký số/token	01	2026	Đang sử dụng	Nguyễn Văn Nhất	13
5	Đường truyền Internet	03	2010,2013, 2018	Đang Sử dụng	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng	0
6	Wifi/mạng nội bộ	03	2010,2013, 2018	Đang Sử dụng	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng	
7	UPS/nguồn dự phòng	0	0	0	0	01
8	Máy photo	0	0	0	0	01
9	Thiết bị khác	0	0	0	0	0



PHỤ LỤC 2 - DANH MỤC TÀI KHOẢN VÀ PHẦN MỀM
(Kèm theo Báo cáo số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Hệ thống/phần mềm	Số tài khoản	Cán bộ phụ trách	Tần suất cập nhật	Lỗi/tồn tại	Đầu mối hỗ trợ	Thời gian xử lý
1	Phần mềm Tiêm chủng	qn_sontaythuong	Nguyễn Văn Thanh	Thường xuyên	0	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	
2	Phần mềm Bệnh truyền nhiễm	son_tay_thuong_51	Nguyễn Văn Thanh	Thường xuyên	0		
3	Phần mềm bệnh không lây	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng: 51159 Điểm Y tế Sơn Liên: 51212 Điểm Y tế Sơn Bua: 51158	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thường xuyên	0	VNPT	
4	Phần mềm báo cáo thống kê	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng: 51159 Điểm Y tế Sơn Liên: 51212 Điểm Y tế Sơn Bua: 51158	Nguyễn Thị Thanh Thúy; Bùi Thị Trang; Đinh Thị Hà	Thường xuyên	0	SỞ Y TẾ	
5	Phần mềm His	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng: 51159 Điểm Y tế Sơn Liên: 51212 Điểm Y tế Sơn Bua: 51158	Đinh Văn Hội	Thường xuyên	0	VNPT	
6	Phần mềm thuốc bvquangngai.vn.	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng: 51159 Điểm Y tế Sơn Liên: 51212 Điểm Y tế Sơn Bua: 51158	Đinh Văn Hội	Thường xuyên	0	SỞ Y TẾ	
7	Hồ sơ sức khỏe điện tử	Trạm Y tế Sơn Tây Thượng: 51159 Điểm Y tế Sơn Liên: 51212 Điểm Y tế Sơn Bua: 51158	Nguyễn Thị Thanh Thúy; Đinh Văn Hội; Đinh Thị Bông	Thường xuyên	0	VNPT	
8	Phần mềm HIV	bc_qng_tytsontaythuong_12	Đinh Thị Hà	Thường xuyên	0	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	

Tổng cộng : 10

PHỤ LỤC 3 - KẾT QUẢ CẬP NHẬT DỮ LIỆU Y TẾ CƠ SỞ
(Kèm theo Báo cáo số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Chỉ tiêu		Tổng đối tượng	Đã cập nhật	Đủ/đúng dữ liệu	Tỷ lệ	Còn tồn	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Hồ sơ sức khỏe điện tử								
2	Hiển thị VNeID								
3	Tiêm chủng		4844	4844	2062	43%	2782	Số dữ liệu từ các cơ sở dịch vụ cập nhật lên hệ thống không đúng.	Cập nhật lại
4	Tăng huyết áp		200	200	200	100%	0		
5	Đái tháo đường		4	4	4	100%	0		
6	Bà mẹ - trẻ em	Phụ nữ mang thai	122	34	34	28%	88	Liên quan đến khám chữa bệnh để liên thông đến khám bà mẹ trẻ em.	Liên thông
		Khám phụ khoa	459	125	125	27%	334		Liên thông
7	Người cao tuổi		447	0	0	0	447	Chưa có phần mềm liên thông	Tạo phần mềm liên thông
8	Dịch bệnh		0	0	0	0	0	Không có ca bệnh	



PHỤ LỤC 5 - HỒ TRỢ NGƯỜI DÂN VÀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

(Kèm theo Quyết định số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Nội dung	Số buổi	Số người tham gia	Nhóm đối tượng	Kết quả	Khó khăn	Tài liệu kiểm chứng
1	Không						
2							
3							

PHỤ LỤC 6 - DANH SÁCH LỖI, TỒN ĐỘNG VÀ KẾ HOẠCH XỬ LÝ

(Kèm theo Báo cáo số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)

STT	Hệ thống/nội dung	Số hồ sơ/lỗi	Nguyên nhân	Đơn vị hỗ trợ	Biện pháp	Thời hạn	Kết quả cần đạt
1	Phần mềm Tiêm chủng	2782	Thiếu CCCD, nhập sai CCCD	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Cập nhật lên hệ thống	Trước tháng 10 năm 2026	100%
2							
3							

PHỤ LỤC 7 - NHÂN LỰC, ĐÀO TẠO VÀ KINH PHÍ
(Kèm theo Báo cáo số 539/BC-UBND ngày 10/10/2026 của UBND xã Sơn Tây Thượng)



STT	Nội dung chỉ tiêu	Số liệu từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm báo cáo	Ghi chú
I	NHÂN LỰC CNTT & CHUYỂN ĐỔI SỐ		
1	Nhân sự chuyên trách CNTT/CĐS tại phòng chuyên môn	00	
2	Nhân sự bán chuyên trách/kiêm nhiệm CNTT/CĐS	01	
II	ĐÀO TẠO & TẬP HUẤN		
4	Đào tạo chuyên sâu về CNTT/ATTT cho cán bộ chuyên trách	00	
5	Tập huấn sử dụng phần mềm/y tế số cho NV y tế	Phần mềm Bệnh Không Lây: 03 người Hệ thống phần mềm quản lý tài liệu lưu trữ điện tử: 01 người Phần mềm Dân số: 01 người	
III	KINH PHÍ CNTT & CĐS (Làm rõ kinh phí từ nguồn nào)		
6	Kinh phí đầu tư mua sắm (Phần cứng, bản quyền...)		
6.1	- Dự toán được giao	318,630,000	
6.2	- Thực tế giải ngân	0	Chưa giải ngân
7	Kinh phí thuê dịch vụ CNTT (Hệ thống phần mềm...)		
7.1	- Dự toán được giao	24,284,502	

7.2	- <i>Thực tế giải ngân</i>	0	Chưa giải ngân
8	Kinh phí duy trì, bảo trì, vận hành hạ tầng	0	
9	Kinh phí dành riêng cho An toàn thông tin (ATTT)	95,102,088	